

Bản án số: **13/2019/HNGĐ - ST**

Ngày: 11/4/2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thành

2. Bà Nguyễn Ngọc Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thái Quang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Lê Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2019/TLST - HNGĐ, ngày 17 tháng 01 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 và Giấy triệu tập số 12/2019/TB ngày 29 tháng 03 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1983.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Đ, xã A, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Xuân T, sinh năm 1983.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã A, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

(Hiện đang chấp hành án tại: Đội 17, Phân trại số 01, Trại giam T– Cục C10 - Bộ Công an). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/01/2019, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

Chị L và anh Trần Xuân T đăng ký kết hôn với nhau ngày 04/12/2003 tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố Y, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, anh T ngoại tình với người khác,

không tôn trọng chị. Mâu thuẫn đã được hai vợ chồng tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện tại, chị L xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Trần Xuân T.

* Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung, là cháu Trần Thị T1, sinh ngày 02/01/2005. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T1 cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về chia tài sản, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Xuân T vắng mặt. Nhưng tại Biên bản ghi lời khai ngày 03/02/2019, anh T trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và những nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng như chị L trình bày là đúng. Nay chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh cũng nhất trí.

* Về con chung: Anh T xác nhận có 01 con chung, như nội dung chị L đã trình bày là đúng. Bản thân anh rất muốn nuôi cháu T1 nhưng vì đang phải chấp hành án trong trại giam nên không thực hiện được. Anh đồng ý để cháu T1 tự quyết định việc ở với bố hoặc mẹ theo nguyện vọng của cháu. Anh T đề nghị Tòa án sắp xếp cho gặp chị L để đi đến thống nhất chung về việc giải quyết vụ án.

* Về chia tài sản, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, các thành viên của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các quyền của đương sự đã được đảm bảo.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn với anh Trần Xuân T; về con chung, giao cháu Trần Thị T1 cho chị L nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí, buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết quyền nuôi con với anh Trần Xuân Trường, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Anh Trần Xuân T có hộ khẩu thường trú tại T, xã A, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng

dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Xuân T vắng mặt. *Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật TTDS 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.*

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Ngọc L được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Trần Xuân T ngày 04/12/2003 tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn (anh T thừa nhận), là do anh T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, từ đó vợ chồng thường hay xảy ra xung đột, cãi vã. Mâu thuẫn đã được hai vợ chồng tự hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Quá trình giải quyết vụ án, do anh T đang chấp hành án trong trại giam nên Tòa án không thể triệu tập anh T đến để hòa giải được. Mặt khác, trong Biên bản lấy lời khai tại Trại giam T – Cục C10 – Bộ Công an, anh T có nêu ý kiến gửi Tòa án, là đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L. Xét mâu thuẫn vợ chồng của chị L, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Xét nguyện vọng của chị L về việc được nuôi dưỡng cháu Trần Thị T1, sinh ngày 02/01/2005, cho đến khi đủ 18 tuổi. HĐXX thấy, từ năm 2012 cho đến thời điểm hiện tại, anh T bị kết án và đang phải cải tạo tại Trại giam T, trong khoảng thời gian đó, cháu T1 được chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, anh T có ý kiến, tôn trọng nguyện vọng của cháu T1, để cho cháu T1 tự quyết định việc ở với bố hoặc mẹ. Đồng thời, tại đơn nguyện vọng ngày 28/01/2019, cháu T1 đề nghị được ở với chị L. Do đó, cần giao cháu Trần Thị T1 cho chị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của cháu T1, ý kiến của anh T và hoàn cảnh thực tế của các đương sự

[4] *Về việc anh T đề nghị Tòa án tổ chức, sắp xếp để anh được gặp chị Nguyễn Thị Ngọc L, cùng thỏa thuận, thống nhất chung về việc giải quyết vụ án.* Tòa án xác định đây là vụ án không tiến hành hòa giải được (do anh T đang phải chấp hành án trong trại giam), do đó đề nghị của anh T không được chấp nhận.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con,* chị L không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] *Về chia tài sản, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn với anh Trần Xuân T.

2. Về nuôi con: Giao cháu Trần Thị T1, sinh ngày 02/01/2005 cho chị Nguyễn Thị Ngọc L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi. Anh Trần Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số AA/2017/0002120 ngày 17/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái. Xác nhận chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Nguyễn Thị Ngọc L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Xuân T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự (02);
- VKSND thành phố Y;
- Chi cục THADS thành phố Y;
- UBND xã A, Tp Y, tỉnh Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thủy